

Số: **36** /2021/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày **30** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính
phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính
phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị
định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 về sửa đổi bổ sung một số
điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ
quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa
phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người
nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh
Quảng Bình tại các tờ trình: số 500/TTr-NHCS ngày 05 tháng 7 năm 2021; số
613/TTr-NHCS ngày 11 tháng 8 năm 2021; số 769/TTr-NHCS ngày 20 tháng 9
năm 2021 và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2879/TTr-STC ngày 19
tháng 8 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng
nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để
cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh
Quảng Bình. ✓

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2021.

Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh về việc quy định tỷ lệ được hưởng của các đơn vị liên quan trong nguồn kinh phí được trích từ số lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ Ngân sách địa phương; Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Bình; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *✓*

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài Chính);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT&TH QB, Báo Quảng Bình;
- TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng



QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **36** /2021/QĐ-UBND
ngày **30** tháng **9** năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân các cấp;

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do HĐND tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), HĐND huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Quy chế này.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp ✓

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh.

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Hàng năm căn cứ mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, các chương trình, Đề án cho vay các đối tượng chính sách được tỉnh phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động, Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), UBND cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) trình HĐND cùng cấp bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.

3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Cơ quan tiếp nhận nguồn vốn ủy thác: Chi nhánh NHCSXH tỉnh tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp huyện.

5. Phân bổ nguồn vốn:

a) Căn cứ nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung, NHCSXH trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp phân bổ nguồn vốn ủy thác theo quy định.

b) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có trách nhiệm cho các đối tượng vay vốn theo đúng Quyết định phân bổ vốn đã được Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp phê duyệt.

Điều 5. Đối tượng cho vay:

1. Người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương (ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) do HĐND tỉnh quyết định (nếu có). ✓

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ đối với từng đối tượng cụ thể và phù hợp với đối tượng vay vốn được quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Ngoài các nội dung trên, căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội từng thời kỳ, UBND tỉnh quyết định bổ sung mục đích sử dụng tiền vay để đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện đã ủy thác.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)

Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của NHCSXH do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH các cấp theo dư nợ cho vay bình quân, mức trích là 0,4%/tháng. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở,

ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 15% số tiền lãi thu được, được quy thành 100% và phân phối theo tỷ lệ như sau: Phân bổ 15% để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp của cơ quan tài chính các cấp có liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH; phân bổ 85% để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay. Định kỳ căn cứ số lãi được bổ sung vào nguồn vốn để cho vay, Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện) báo cáo và tham mưu Trường Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp quyết định để phân giao bổ sung vào nguồn vốn cho vay theo đúng quy định.

2. Trường hợp lãi suất cho vay không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan theo tỷ lệ quy định trên thì NHCSXH báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, Sở Tài chính và UBND các cấp để sắp xếp lại các khoản chi cho phù hợp.

Điều 10. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp

1. Chi tổ chức họp, hội nghị sơ kết, tổng kết, họp giao ban Hội, đoàn thể, họp Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH định kỳ hoặc đột xuất; chi công tác kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất cho thành viên các đoàn kiểm tra, tổ công tác do Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp thành lập: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn Ban đại diện các cấp, hội, đoàn thể các cấp, ban giảm nghèo xã/phường, ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn...: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Chi công tác thi đua khen thưởng theo phát động thi đua hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất; chi động viên khen thưởng quyết toán năm: Mức chi thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng

dẫn thi hành của Chính phủ và của NHCSXH. Căn cứ vào nguồn kinh phí được trích và quy mô các đợt phát động thi đua để quyết định số tiền chi cho mỗi đợt khen thưởng phù hợp.

4. Chi hỗ trợ văn phòng phẩm, in tài liệu triển khai các nhiệm vụ liên quan hoạt động Ban đại diện, hoạt động ủy thác vốn cho vay: Mức chi căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và hóa đơn, chứng từ chi tiêu theo quy định.

5. Chi hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho NHCSXH phục vụ cho hoạt động tín dụng chính sách trên địa bàn, hỗ trợ hoạt động điểm giao dịch xã, phường: Mức chi từ 100 triệu đồng trở xuống ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH quyết định; mức chi trên 100 triệu đồng giao NHCSXH thống nhất với cơ quan Tài chính, trình Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định.

6. Chi công tác xử lý nợ, truy tìm hộ vay đi khỏi địa phương, chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ xấu: Căn cứ kế hoạch xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo quy định tại Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Chi làm ngoài giờ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

8. Chi tham quan, học tập kinh nghiệm và các khoản chi khác được Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp phê duyệt: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, phạm vi kinh phí được duyệt và phù hợp với chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

9. Trường hợp NHCSXH không sử dụng hết số kinh phí được trích và không có nhu cầu sử dụng, NHCSXH chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp điều chuyển phần kinh phí còn dư và không có nhu cầu tiếp tục sử dụng bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp

lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Thẩm quyền và trách nhiệm xử lý nợ bị rủi ro:

a) Chủ tịch UBND tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Chủ tịch UBND cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện) quyết định xóa nợ (gốc, lãi) cho khách hàng trong trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro hiện có. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở (Phòng) Lao động, Thương binh và Xã hội, thẩm định hồ sơ đề nghị xóa nợ trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh (cấp huyện) xem xét, quyết định.

b) Ủy quyền Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện) quyết định khoan nợ, xóa nợ cho khách hàng trong trường hợp quy mô của đợt xóa nợ không vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro hiện có.

c) Ủy quyền Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định việc gia hạn nợ cho khách hàng.

3. Đối với một số trường hợp cho vay đặc thù của địa phương dẫn đến người vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan ngoài quy định tại khoản 1 nêu trên: Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phối hợp với Sở Tài chính (đối với ngân sách cấp tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với ngân sách cấp huyện), cơ quan Lao động, Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định, thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (đối với ngân sách tỉnh), Chủ tịch UBND cấp huyện (đối với ngân sách huyện) xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động, Thương binh và Xã hội, NHCSXH báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện xem xét để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH.

6. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định. ✓

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách gửi UBND cấp huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch

a) Tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp bố trí nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh (cấp huyện) ủy thác cho NHCSXH, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

b) Căn cứ vào Quy chế này và vốn ủy thác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

2. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở (Phòng) Lao động, Thương binh và Xã hội và cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh (đối với ngân sách tỉnh), UBND cấp huyện (đối với ngân sách huyện)

a) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro hiện có theo quy định tại Điểm a Khoản 2, Điều 11 và những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 Quy chế này. ✓

b) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện

a) Ký hợp đồng ủy thác với cơ quan tài chính cùng cấp; tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

7. Trách nhiệm của bên vay vốn:

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng thỏa thuận theo quy định.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Quy chế ✓

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn do UBND tỉnh quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

